

Số: 62/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2019

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP
ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Điều kiện chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản:

a) Không làm mất đi các điều kiện phù hợp để trồng lúa trở lại; không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa;

b) Phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa của cấp xã (sau đây gọi là kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa), đảm bảo công khai, minh bạch;

c) Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây lâu năm phải theo vùng, để hình thành các vùng sản xuất tập trung và khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng sẵn có; phù hợp với định hướng hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp của địa phương;

d) Trường hợp trồng lúa đồng thời kết hợp nuôi trồng thủy sản, cho phép sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng cho nuôi trồng thủy sản, độ sâu của mặt bằng hạ thấp không quá 120 cm, khi cần thiết phải phục hồi lại được mặt bằng để trồng lúa trở lại.”



2. Bổ sung Điều 4a như sau:

“Điều 4a. Quy định thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

1. Đối tượng có nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, gửi 01 bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trồng lúa hợp pháp (người sử dụng đất) có nhu cầu chuyển đổi sang trồng cây hàng năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản;

b) Hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển sang trồng cây lâu năm.

2. Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã phải hướng dẫn cho người sử dụng đất, chỉnh sửa, bổ sung bản đăng ký.

3. Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của Ủy ban nhân dân cấp xã, trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã có ý kiến “Đồng ý cho chuyển đổi”, đóng dấu vào Bản đăng ký, vào sổ theo dõi và gửi lại cho người sử dụng đất.

4. Trường hợp không đồng ý, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này”.

3. Bổ sung Điều 5a như sau:

“Điều 5a. Quy định về thủ tục nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp

1. Việc nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều này, được thực hiện là một thành phần của bộ hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định của Luật đất đai.

2. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất lập bản kê khai diện tích đất chuyên trồng lúa nước được nhà nước giao, cho thuê theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này gửi tới cơ quan tài nguyên và môi trường đề nghị xác định diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa.

a) Trường hợp bản kê khai không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, cơ quan tài nguyên và môi trường phải hướng dẫn cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất bổ sung, hoàn thiện và nộp lại bản kê khai.

b) Trường hợp bản kê khai hợp lệ, trong 05 ngày làm việc, cơ quan tài nguyên và môi trường có văn bản xác nhận rõ diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa gửi đến người được nhà nước giao đất, cho thuê đất làm căn cứ để xác định số tiền phải nộp.

3. Người được nhà nước giao đất, cho thuê đất gửi hồ sơ đến cơ quan tài chính của địa phương đề nghị xác định số tiền nộp bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị xác nhận số tiền phải nộp theo mẫu quy định tại Phụ lục IV (đối với cơ quan, tổ chức) hoặc Phụ lục V (đối với hộ gia đình, cá nhân) ban hành kèm theo Nghị định này; văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của cơ quan tài nguyên và môi trường.

a) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc, cơ quan tài chính địa phương phải hướng dẫn cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất bổ sung, hoàn thiện và nộp lại hồ sơ.

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc, cơ quan tài chính địa phương căn cứ vào văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền của cơ quan tài nguyên và môi trường, xác định số tiền phải nộp theo quy định đối với diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp và thông báo cho người được nhà nước giao đất, cho thuê đất theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Cơ quan tài chính địa phương tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định. Trường hợp quá thời hạn nộp theo công văn của cơ quan tài chính địa phương, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

Ủy ban nhân dân các cấp sử dụng kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, địa phương sẽ quyết định thực hiện các việc sau:

1. Hỗ trợ cho người trồng lúa

Sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

2. Phần kinh phí còn lại để thực hiện các việc sau:

a) Phân tích chất lượng hóa, lý tính của các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm để sử dụng hiệu quả và có biện pháp cải tạo phù hợp;

b) Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại: tăng độ dày của tầng canh tác; tôn cao đất trồng lúa trũng, thấp; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng; thau chua, rửa mặn đối với đất bị nhiễm phèn, mặn và các biện pháp cải tạo đất khác;

c) Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa;

d) Khai hoang, phục hóa đất chưa sử dụng thành đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại."

5. Sửa đổi khoản 2 Điều 9 như sau:

"2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa ở các địa phương."

6. Bổ sung khoản 5 Điều 10 như sau:

"5. Hằng năm, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản về đất nông nghiệp và cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất nông nghiệp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn."

7. Sửa đổi khoản 4, khoản 6 Điều 13 như sau:

"4. Xác định các loại cây trồng hàng năm, cây lâu năm hoặc loại thủy sản phù hợp cho chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa phương theo quy định tại Nghị định này. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của địa phương.

6. Hằng năm trước ngày 31 tháng 12 báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa của địa phương; báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng của địa phương theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này; báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh việc phân bổ, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa."

8. Sửa đổi khoản 2 Điều 13 như sau:

"2. Tổ chức công bố công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xét duyệt; xác định ranh giới, lập bản đồ diện tích đất trồng lúa, vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao. Chỉ đạo cơ quan tài nguyên và môi trường khi thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất phải xác định diện tích chuyên trồng lúa nước

chuyển đổi sang mục đích phi nông nghiệp (nếu có) làm cơ sở xác định tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp ngân sách nhà nước.”

9. Bổ sung Điều 13a như sau:

“Điều 13a. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Lập và ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện trên cơ sở kế hoạch chuyển đổi của cấp tỉnh.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa bàn huyện.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan quản lý chuyên ngành về trồng trọt).”

10. Bổ sung Điều 13b như sau:

“Điều 13b. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp xã trên cơ sở kế hoạch chuyển đổi cấp huyện theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định này; tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc xác định vùng chuyển đổi; thông báo công khai kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã vào quý IV của năm trước trong thời hạn 60 ngày.

2. Tiếp nhận, xử lý Bản đăng ký chuyển đổi; lập Sổ theo dõi chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

3. Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

4. Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

2. Bãi bỏ khoản 4 Điều 4 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

3. Bãi bỏ khoản 7 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai đã được bổ sung tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06

tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

4. Bãi bỏ Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn chi tiết Điều 4 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn chi tiết Điều 4 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa và hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm, cây hàng năm và trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Việc sử dụng kinh phí hỗ trợ các hoạt động quy định tại Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa trước khi Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2)

140

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Xuân Phúc



Phụ lục I

MẪU BẢN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA
(Kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm... ..

BẢN ĐĂNG KÝ
CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn):

1. Tên tổ chức hoặc người đại diện của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình:
2. Chức vụ người đại diện tổ chức:
3. Số CMND/Thẻ căn cước:..... Ngày cấp: Nơi cấp.....
Hoặc Giấy chứng nhận ĐKKD (tổ chức) Ngày cấp:..... Nơi cấp.....
4. Địa chỉ: Số điện thoại:
5. Diện tích chuyển đổi ... (m², ha), thuộc thửa đất số....., tờ bản đồ số
khu vực, cánh đồng
6. Mục đích
 - a) Trồng cây hàng năm:
 - Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: Tên cây trồng....., vụ.....
 - Chuyển đổi từ đất 2 - 3 vụ lúa/năm: Tên cây trồng....., vụ
 - Chuyển đổi từ đất lúa nương: Tên cây trồng
 - b) Trồng cây lâu năm:
 - Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: Tên cây trồng....., năm.....
 - Chuyển đổi từ đất 2 - 3 vụ lúa/năm: Tên cây trồng....., năm
 - Chuyển đổi từ đất lúa nương: Tên cây trồng, năm
 - c) Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản:
 - Chuyển đổi từ đất 1 vụ lúa/năm: Loại thủy sản....., năm
 - Chuyển đổi từ đất 2 - 3 vụ lúa/năm: Loại thủy sản....., năm
7. Cam kết thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi của địa phương và các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa./.

UBND CẤP XÃ TIẾP NHẬN
(Ký, họ tên và đóng dấu)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/
HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN**
(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))



Phụ lục II
MẪU THÔNG BÁO KHÔNG TIẾP NHẬN BẢN ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI
CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA
(Kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN
(cấp xã, phường, thị trấn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO
Về việc không tiếp nhận
Bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

Căn cứ quy định tại Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các quy định khác của pháp luật liên quan.

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) thông báo:

Không tiếp nhận đơn đăng ký chuyển đổi cây trồng trên đất trồng lúa của (họ, tên người đại diện của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, tổ chức);

Địa chỉ.....

Lý do không tiếp nhận:.....

Yêu cầu Ông/Bà/tổ chức thực hiện Thông báo này và các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất trồng lúa./.

Nơi nhận:

- Người sử dụng đất;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Phụ lục III

BẢN KÊ KHAI DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG LÚA CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố:.....
(Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thành phố, thị xã)

1. Tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân kê khai:.....
2. Địa chỉ:
3. Địa điểm thu hồi đất:

Vị trí/ Địa điểm đất	Diện tích (m ²)	Ghi chú
Vị trí 1: số thửa.....; số tờ bản đồ.....; xã (phường, TT).....; huyện (TP, TX)		
Vị trí 1: số thửa.....; số tờ bản đồ.....; xã (phường, TT).....; huyện (TP, TX)		
Vị trí 1: số thửa.....; số tờ bản đồ.....; xã (phường, TT).....; huyện (TP, TX)		
.....		
Tổng cộng diện tích đất lúa chuyển đổi		

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thành phố, thị xã xác định diện tích đất trồng lúa nước chuyển sang mục đích phi nông nghiệp để(tên cơ quan, tổ chức) làm căn cứ để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định./.

....., ngày..... tháng năm

**TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC/
HỘ GIA ĐÌNH/CÁ NHÂN**
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Phụ lục IV
MẪU DÀNH CHO CƠ QUAN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
XÁC ĐỊNH TIỀN BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA
(Kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

V/v đề nghị xác định tiền
bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

....., ngày..... tháng năm

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh/thành phố:.....

(Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố, thị xã)

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Căn cứ Nghị định số/2019/NĐ-CP ngàytháng năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng.... nămcủa Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố về mức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Cơ quan, tổ chức..... (ghi rõ tên đơn vị) đề nghị xác định tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa như sau:

1. Diện tích đất đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh (Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã) cho thuê (giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất) là: m²; trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa nước (đất trồng được hai vụ lúa nước trở lên trong năm) nằm trong diện tích đất thuê (đất giao, đất chuyển mục đích sử dụng) là: m².

2. Số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đề nghị xác định là: đồng

Đề nghị Sở Tài chính tỉnh/thành phố (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố, thị xã) xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để (tên cơ quan, tổ chức) thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục V
MẪU DÀNH CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TIỀN
BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA
(Kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh/thành phố:.....
(Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố, thị xã)

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Căn cứ Nghị định số/2019/NĐ-CP ngàytháng năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố về mức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Tôi tên là:.....

Số CMND:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ: Điện thoại:.....

Tôi đề nghị xác định tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa như sau:

1. Diện tích đất được Ủy ban nhân dân tỉnh (Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã) cho thuê (giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất) là: m²; trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa nước (đất trồng được hai vụ lúa nước trở lên trong năm) nằm trong diện tích đất thuê (đất giao, đất chuyển mục đích sử dụng) là: m².

2. Số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đề nghị xác định là: đồng

Đề nghị Sở Tài chính tỉnh/thành phố (Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố, thị xã) xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa để tôi thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định./.

....., ngày tháng..... năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ lục VI
MẪU DÀNH CHO SỞ TÀI CHÍNH XÁC ĐỊNH
TIỀN BẢO VỆ PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA
(Kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

UBND TỈNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
V/v thông báo số tiền bảo
vệ, phát triển đất trồng lúa

....., ngày..... tháng năm

Kính gửi:(tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân)

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Căn cứ Nghị định số/2019/NĐ-CP ngàytháng năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Căn cứ Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố về mức thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Sau khi xem xét hồ sơ do..... (tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân) đề nghị, Sở Tài chính thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp của (tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân) đối với diện tích đất chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyên trồng lúa nước như sau:

1. Xác định số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp:

Diện tích đất chuyên trồng lúa được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp phải nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa là:m².

Giá đất nông nghiệp để tính tiền bảo vệ đất trồng lúa là:/m².

Tổng số tiền bảo vệ đất trồng lúa phải nộp là:m² (diện tích) xđ/m² (giá đất) x tỷ lệ nộp (%) theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh =đồng (Bằng chữ:).

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản này được ký,
(tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân) có trách nhiệm nộp tiền bảo vệ,
phát triển đất trồng lúa nêu trên vào ngân sách cấp tỉnh tại Kho bạc Nhà nước
theo Tài khoản: 7111; Chương: là chương của đơn vị nộp tiền nếu có; tiểu
mục: 4914. Sau thời hạn trên,(tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá nhân)
sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo quy định của
pháp luật về quản lý thuế.

Sở Tài chính thông báo đề(tên cơ quan/tổ chức/hộ gia đình/cá
nhân) được biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục thuế tỉnh;
- Chi cục thuế huyện;
- Phòng TC-KH huyện.....;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH

(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục VII
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ
CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA
(Kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

STT	Loại cây trồng/ thủy sản chuyển đổi	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)					Thời gian chuyển đổi (Vụ/năm)	Ghi chú
		Tổng	3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa	...		
I	Trồng cây hàng năm							
II	Trồng cây lâu năm							
III	Nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng lúa							

....., ngày.....tháng năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Phụ lục VIII

**MẪU KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG
TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA**

(Kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN ...
(cấp xã)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm

Căn cứ quy định tại Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các quy định khác của pháp luật liên quan.

Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) thông báo kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa như sau:

STT	Loại cây trồng/thủy sản chuyển đổi	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)					Thời gian chuyển đổi	Thuộc thửa đất/tờ bản đồ số	Khu vực, cánh đồng
		Tổng diện tích	3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa	...			
I	Trồng cây hàng năm								
								
II	Trồng cây lâu năm								
								
III	Nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng lúa								
								

....., ngày.....tháng năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ LẬP KẾ HOẠCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)